

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠC HỒNG

HƯỚNG DẪN TRÌNH BÀY LUẬN ÁN TIẾN SĨ
Ngành: QUẢN TRỊ KINH DOANH

1. Trình tự nội dung

Luận án được đóng cuốn và sắp xếp theo thứ tự sau đây:

- Bìa ngoài luận án
- Bìa trong luận án (còn gọi là Trang bìa phụ)
- Lời cam đoan
- Lời cảm ơn
- Tóm tắt luận án (abstract)
- Danh mục các chữ Viết tắt và ký hiệu
- Mục lục
- Danh mục bảng biểu
- Danh mục các sơ đồ, đồ thị, biểu đồ, hình vẽ
- Phần nội dung chính
 - + Phần mở đầu;
 - + Tổng quan về nghiên cứu;
 - + Nội dung và kết quả nghiên cứu;
 - + Kết luận và kiến nghị
- Tài liệu tham khảo
- Danh mục các công trình công bố của tác giả
- Phụ lục

Luận án sau bảo vệ còn thêm các nội dung sau:

- Ý kiến nhận xét các Phản biện.
- Biên bản họp Hội đồng đánh giá luận án.
- Báo cáo chỉnh sửa sau bảo vệ (có xác nhận của người hướng dẫn và của các thành viên hội đồng - theo biên bản họp hội đồng).

2. Về hình thức

2.1 Soạn thảo văn bản

Luận án được soạn thảo trên khổ giấy A4 (210x297cm) với các quy định về kiểu chữ, cỡ chữ, cách dòng, canh lề, header và footer, số trang và độ dày của luận án như sau:

- Kiểu chữ: Times New Roman, Mã chữ: Unicode.
- Cỡ chữ: 13 pt (for normal text only), mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo giãn khoảng cách giữa các chữ.
- Cách dòng: (Paragraph): 1,5 lines.
- Canh lề: lề trái: 3.0 cm; lề phải: 2.0 cm; lề trên: 2 cm; lề dưới: 2 cm (trường hợp có footnote thì trang có footnote lề dưới 1,5 cm).
- Header và footer: 0,5 cm.
- Số trang: số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang.
- Độ dày luận án: Phần nội dung chính (các chương mục, không kể phụ lục) có độ dày từ 150 đến 180 trang.

2.2 Định dạng tên Chương và Tiểu mục

Tên chương:

- Cỡ chữ: 16.
- Kiểu chữ: in hoa, nét đậm.
- Dẫn dòng: 1,5 lines.
- Căn lề: giữa.
- Có đánh số theo quy định.

Mục, Tiểu cấp 1,2,3:

Các chương mục được đánh số theo số Ả-Rập. Mỗi chương có tối đa 4 cấp số đề mục, bao gồm: chương, mục, nhóm tiểu mục và tiểu mục. Ví dụ. Đề mục 3.2.3.1 chỉ tiểu mục 1, nhóm tiểu mục 3, mục 2, chương 3. Trong mỗi cấp đề mục, nếu không có từ hai đề mục con trở lên thì không chia và đánh số đề mục con, nghĩa là không thể có đề mục 1.1.1 mà không có đề mục 1.1.2.

- Cỡ chữ: (13,5- 14).
- Kiểu chữ: in thường, nét đậm.
- Dẫn dòng: 1,5 lines.
- Căn lề: (như hướng dẫn tại mục 1.2.1).
- Đánh số theo quy định.

2.3 Cách đánh số mục Tiêu mục

Phần MỞ ĐẦU: Các mục trong phần mở đầu đánh số thứ tự: 1; 2; 3. Ví dụ:

1. Tên mục 1
2. Tên mục 2
- n. Tên mục n

Phần NỘI DUNG

CHƯƠNG 1.

1.1 ...

1.2 ...

CHƯƠNG 2. ...

2.1

2.1.1

2.1.2

2.1.2.1

2.1.2.2

2.2

Các tiêu mục của luận án được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm bốn chữ số với số thứ nhất chỉ số chương (ví dụ 3.1.2.1 chỉ tiêu mục 1 nhóm tiêu mục 2 mục 1 chương 3). Tại mỗi nhóm tiêu mục phải có ít nhất hai tiêu mục, nghĩa là không thể có tiêu mục 2.1.1 mà không có tiêu mục 2.1.2 tiếp theo.

2.4 Cách đánh số trang

Đánh số trang chia làm 3 phần

- Phần 1: Từ lời cam đoan cho đến danh mục hình bảng biểu: đánh số La mã chữ thường.

- Phần 2 : Từ phần mở đầu luận án cho đến hết phần kết luận: đánh số thông thường chữ thường.

- Phần 3: Từ danh mục tài liệu tham khảo cho đến phụ lục và danh mục các công trình Khoa học công bố; Đánh số La mã, Chữ thường.

2.5 Tên bảng, biểu, hình, sơ đồ

- Vị trí: phía trên các bảng; phía dưới các biểu đồ, hình vẽ, sơ đồ.

- Cỡ chữ: 13.

- Kiểu chữ: in thường, nét đậm.

- Dẫn dòng: 1,5 lines.
- Căn lề: giữa.
- Có đánh số theo quy định sau các Bảng, Biểu, Hình và Sơ đồ.

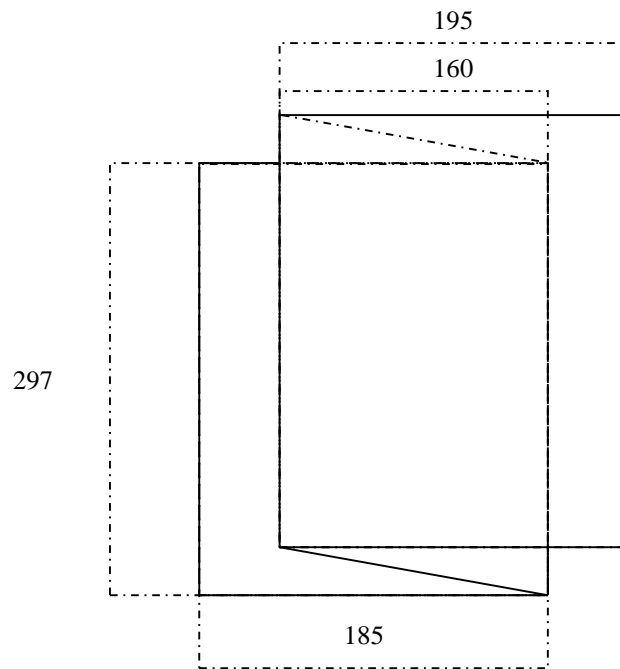
Các tiêu mục của luận án được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm bốn chữ số với số thứ nhất chỉ số chương (ví dụ 3.1.2.1 chỉ tiêu mục 1 nhóm tiêu mục 2 mục 1 chương 3). Tại mỗi nhóm tiêu mục phải có ít nhất hai tiêu mục, nghĩa là không thể có tiêu mục 2.1.1 mà không có tiêu mục 2.1.2 tiếp theo.

Các mục nhỏ trong tiêu mục, sử dụng các dấu đề mục (như: -, +) không dùng những dấu biểu tượng, hình vẽ mang tính nghệ thuật vì đây là chương trình khoa học)

2.6 Trình bày bảng biểu, hình vẽ

Việc đánh số bảng, hình, phương trình phải gắn với số chương; ví dụ Hình 3.5 có nghĩa là hình thứ 5 trong Chương 3. Mọi hình, bảng biểu lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ, ví dụ "Nguồn: Bộ Tài chính 2008". Nguồn được trích dẫn phải được liệt kê chính xác trong danh mục Tài liệu tham khảo. Đầu đề của bảng ghi phía trên bảng, đầu đề của hình ghi phía dưới hình. Thông thường, những bảng ngắn và hình nhỏ phải đi liền với phần nội dung đề cập tới các bảng và hình này ở lần thứ nhất. Các bảng dài có thể để ở những trang riêng nhưng cũng phải tiếp theo ngay phần nội dung đề cập tới bảng này ở lần đầu tiên.

Các bảng rộng vẫn nên trình bày theo chiều đứng dài 297 mm của trang giấy, chiều rộng của trang giấy có thể hơn 210 mm. Chú ý gấp trang giấy này như minh họa ở Hình 1 sao cho số và đầu đề của hình vẽ hoặc bảng vẫn có thể nhìn thấy ngay mà không cần mở rộng tờ giấy. Cách làm này cũng giúp để tránh bị đóng vào gáy của luận án phần mép gấp bên trong hoặc xén rời mất phần mép gấp bên ngoài. Tuy nhiên nên hạn chế sử dụng các bảng quá rộng này.



Hình 1. Cách gấp trang giấy rộng hơn 210 mm

Trong mọi trường hợp, bốn lề bao quanh phần án bản và bảng biểu vẫn như quy định tại khoản 1 mục 1.2 Hướng dẫn này.

Đối với những trang giấy có chiều đứng hơn 297 mm (bản đồ, bản vẽ ...) thì có thể để trong một phong bì cứng dính bên trong bìa sau luận án.

Trong luận án, các hình phải được trình bày sạch sẽ bằng mực đen để có thể sao chụp lại; có đánh số và ghi đầy đủ đầu đề; cỡ chữ phải bằng cỡ chữ sử dụng trong án bản luận án. Khi đề cập đến các bảng và hình phải nêu rõ số của hình và bảng biểu đó, ví dụ "... được nêu trong Bảng 3.1" hoặc "(xem Hình 4.2)" mà không được viết "... được nêu trong bảng dưới đây" hoặc "trong đồ thị sau".

Bảng biểu và hình vẽ đặt ngay sau đoạn án có nội dung đề cập đến bảng biểu hoặc hình vẽ đó lần đầu. Đánh số phù hợp với số chương và thứ tự của bảng biểu hoặc hình vẽ đó xuất hiện trong chương; ví dụ, Bảng 2.5 là một bảng có thứ tự thứ 5 trong chương 2. Tựa đề của bảng số liệu đặt ở phía trên bảng số liệu - canh giữa, viết đậm. Tựa đề của hình vẽ đặt ở phía dưới hình vẽ - canh giữa, viết đậm. Nguồn số liệu/thông tin của bảng biểu và hình vẽ phải ghi chú (trích dẫn) rõ ràng, đặt phía dưới bảng biểu/hình vẽ. Chi tiết số liệu và thông tin phải được liệt kê trong danh mục tài liệu tham khảo.

Không trình bày một bảng biểu hoặc một hình vẽ ở hai trang tài liệu khác nhau.

Khi đề cập đến bảng biểu hoặc hình vẽ, luận án cần nêu rõ số của bảng biểu hoặc hình vẽ đó khi bình luận. Ví dụ:

- ‘... Bảng 3.2 cho thấy...’

- “... như được trình bày trong Bảng 3.2...”
- “...Hình 3.5 minh họa xu hướng ...”
- “(xem hình 3.5)”

Khi đề cập một bảng biểu hoặc hình vẽ, không nên sử dụng các cụm từ như: “trong bảng dưới đây”; “trong biểu đồ sau”; “trong đồ thị của X và Y dưới đây”.

2.7 Trình bày công thức, phương trình toán học

Việc trình bày phương trình toán học trên một dòng đơn hoặc dòng kép là tùy ý, tuy nhiên phải thống nhất trong toàn luận án. Khi ký hiệu xuất hiện lần đầu tiên thì phải giải thích và đơn vị tính phải đi kèm ngay trong phương trình có ký hiệu đó. Nếu cần thiết, danh mục của tất cả các ký hiệu, chữ viết tắt và nghĩa của chúng cần được liệt kê và để ở phần đầu của luận án. Tất cả các phương trình cần được đánh số và để trong ngoặc đơn đặt bên phía lề phải. Nếu một nhóm phương trình mang cùng một số thì những số này cũng được để trong ngoặc, hoặc mỗi phương trình trong nhóm phương trình (2.1) có thể được đánh số là (2.1.1), (2.1.2), (2.1.3).

Công thức hoặc phương trình toán học đặt ngay sau (hoặc trong) đoạn án mà nội dung có đề cập đến công thức/phương trình đó lần đầu. Đánh số công thức hoặc phương trình toán học phù hợp với số chương và thứ tự xuất hiện trong chương, để trong ngoặc đơn và đặt ở phía lề phải. Ví dụ, một phương trình toán học được đánh số là (3.2) nghĩa là phương trình toán học này thuộc chương 3 và là phương trình toán học thứ 2 theo thứ tự xuất hiện trong chương. Luận án cần giải thích các ký hiệu và đơn vị trong công thức hoặc phương trình toán học một cách đầy đủ và thống nhất.

2.8 Các ghi chú hoặc chú thích ở cuối trang

Các ghi chú ở cuối trang (footnote) cung cấp thêm thông tin hoặc giải thích thêm cho các ý hoặc thông tin trong bài viết. Các ghi chú ở cuối trang thường được áp dụng trong trường hợp nếu để các thông tin và giải thích thêm như vậy trong bài viết sẽ làm cho câu án trở nên rườm rà và làm gián đoạn mạch án hoặc làm loãng mạch suy nghĩ hoặc luận điểm của tác giả. Đánh số thứ tự cho các ghi chú cuối trang được trình bày trong toàn luận án (sử dụng chức năng footnote trong word).

3. Về nội dung

3.1 Tên đề tài nghiên cứu

Tên đề tài nghiên cứu phải thể hiện nội dung một lĩnh vực nghiên cứu lựa chọn. Tên đề tài cần rõ ràng, ngắn gọn, thể hiện được bản chất của vấn đề nghiên cứu dự kiến; cố gắng tránh các cụm từ như “Thực trạng, Giải pháp, Hoàn thiện”.

3.2 Tóm tắt luận án

Tóm tắt (abstract) luận án dài không quá 2 trang A₄. Phần này trình bày cô đọng và súc tích nền tảng của nghiên cứu, mục tiêu nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu chính, kết quả nghiên cứu và kết luận chủ yếu của đề tài.

3.3 Lời cam đoan

Phần này trình bày lời cam đoan danh dự của tác giả rằng luận án là công trình nghiên cứu riêng của tác giả và không có những sao chép từ các tài liệu của các tác giả khác. Để thống nhất, yêu cầu nghiên cứu sinh trình bày lời cam đoan theo mẫu đối với luận án lần lượt như sau:

Luận án này chưa từng được trình nộp để lấy học vị Tiến sĩ tại bất cứ một cơ sở đào tạo nào. Luận án này là công trình nghiên cứu riêng của tác giả, kết quả nghiên cứu là trung thực, trong đó không có các nội dung đã được công bố trước đây hoặc các nội dung do người khác thực hiện ngoại trừ các trích dẫn được dẫn nguồn đầy đủ trong luận án.

Hoặc:

Luận án này chưa từng được trình nộp để lấy học vị Tiến sĩ tại bất cứ một cơ sở đào tạo nào. Luận án này là công trình nghiên cứu riêng của tác giả, kết quả nghiên cứu là trung thực, trong đó không có các nội dung đã được công bố trước đây hoặc các nội dung do người khác thực hiện ngoại trừ các trích dẫn được dẫn nguồn đầy đủ trong luận án.

3.4 Lời cảm ơn

Trong phần này, tác giả có thể trình bày lời cảm ơn hoặc lời tri ân của mình tới người hướng dẫn khoa học, các nhà khoa học, thầy cô, đồng nghiệp, bạn bè và gia đình - những người đã giúp đỡ hoặc ủng hộ tác giả trong suốt thời gian thực hiện luận án.

3.5 Viết tắt

Có thể sử dụng chữ viết tắt cho những từ, cụm từ, thuật ngữ hoặc tên các tổ chức được sử dụng nhiều lần trong luận án. Không sử dụng chữ viết tắt trong các đề mục. Không sử dụng chữ viết tắt cho các từ, cụm từ hoặc thuật ngữ ít xuất hiện trong luận án. Khi cần viết tắt, chữ viết tắt chỉ xuất hiện sau khi đã viết đầy đủ các từ, cụm từ, thuật

ngữ hoặc tên các tổ chức lần đầu. Lần đầu tiên, chữ viết tắt đặt trong ngoặc đơn, ngay sau từ, cụm từ, thuật ngữ hoặc tên các tổ chức được viết đầy đủ lần đầu trong luận án. Luận án cần có danh mục các chữ viết tắt sắp xếp theo thứ tự ABC trình bày ở phần đầu luận án.

Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên cơ quan, tổ chức... thì được viết tắt sau lần viết thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu luận án có nhiều chữ viết tắt thì phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC). Không lạm dụng việc viết tắt trong luận án, chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong luận án. Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong luận án. Mẫu danh mục từ viết tắt

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT TIẾNG VIỆT

| Từ viết tắt | Cụm từ tiếng Việt | Cụm từ tiếng Anh |
|--------------------|--------------------------|-------------------------|
| BHYT | Bảo hiểm y tế | |
| LHPN | Liên hiệp phụ nữ | |

3.6 Phần mở đầu

Phần này giới thiệu những nét chính về công trình nghiên cứu, bao gồm:

(i) Cơ sở khoa học của vấn đề nghiên cứu;

(ii) Lý do chọn đề tài (tính cấp thiết hoặc sự cần thiết xét ở góc độ chính sách, học thuật hay nhu cầu xã hội của vấn đề nghiên cứu);

Khi trình bày cơ sở khoa học của vấn đề nghiên cứu và lý do chọn đề tài, luận án có thể trình bày ngắn gọn về kiến thức học thuật chuyên môn và khảo lược ngắn gọn các nghiên cứu liên quan trước đây để chỉ rõ đề tài của luận án được thực hiện để góp phần lấp đầy khoảng trống tri thức hiện có, thể hiện nghiên cứu không bị trùng lặp. Chi tiết về kiến thức học thuật chuyên môn và các nghiên cứu trước đây sẽ được trình bày trong phần tổng quan về vấn đề nghiên cứu.

(iii) Mục tiêu nghiên cứu (gồm mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể);

(iv) Câu hỏi nghiên cứu - thông thường, một mục tiêu nghiên cứu thì ứng với một câu hỏi nghiên cứu và một câu hỏi nghiên cứu có thể chia nhỏ thành các câu hỏi nghiên cứu nhỏ hơn;

(iv) Đối tượng và phạm vi nghiên cứu - làm rõ các giới hạn về đối tượng, không gian và thời gian nghiên cứu một cách cụ thể;

(v) Phương pháp nghiên cứu và số liệu tương ứng với từng câu hỏi nghiên cứu - phương pháp nghiên cứu sẽ được trình bày chi tiết trong phần/chương phương pháp nghiên cứu;

(vi) Luận điểm (tranh luận chính) sẽ được chứng minh trong luận án và những đóng góp của nghiên cứu - là các đóng góp về mặt học thuật giúp làm giàu tri thức (hiểu biết) trong lĩnh vực nghiên cứu hay góp phần giải quyết vấn đề thực tiễn;

(vii) Nội dung tóm lược của các phần/chương tiếp theo. Trong đó cụ thể bao gồm bao nhiêu chương/ phần, tên cụ thể từng chương/phần.

3.7 Tổng quan về vấn đề nghiên cứu.

Mục tiêu của phần này là chứng minh khoảng trống tri thức trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài (research gap) mà đề tài luận án được thực hiện sẽ góp phần lấp một phần (hoặc toàn bộ) khoảng trống tri thức đó. Từ đó, luận án xác định mục tiêu nghiên cứu và phát triển thành câu hỏi nghiên cứu. Trong nghiên cứu thực nghiệm, từ câu hỏi nghiên cứu tác giả có thể phát triển thành giả thuyết nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu này sẽ được kiểm định bằng phương pháp nghiên cứu và phương pháp phân tích số liệu phù hợp. Ở nội dung này bao gồm hai phần chính:

- Lược khảo các công trình nghiên cứu liên quan;
- Khoảng trống nghiên cứu.

3.8 Nội dung và kết quả nghiên cứu

Phần này có thể kết cấu thành một chương hay nhiều chương khác nhau, tùy thuộc vào tính phức tạp của vấn đề nghiên cứu. Phần này có hai mục tiêu chính.

Mục tiêu thứ nhất là chỉ rõ phương pháp nghiên cứu và nguồn số liệu mà luận án sẽ sử dụng để tìm câu trả lời cho nghiên cứu đặt ra ở phần tổng quan về vấn đề nghiên cứu. Cụ thể, nội dung của chương này bao gồm: (i) Trình bày tính phù hợp của phương pháp nghiên cứu được lựa chọn và nêu rõ phương pháp nghiên cứu được lựa chọn có thể giúp trả lời các câu hỏi nghiên cứu đặt ra; (ii) Trình bày đối tượng nghiên cứu và mẫu nghiên cứu; (iii) Mô tả các biến, cách thức đo lường các biến và nguồn số liệu - số liệu thứ cấp, số liệu sơ cấp và cách thức điều tra chọn mẫu và thu thập số liệu; (iv) Mô tả quá trình xử lý và phân tích số liệu (quy trình phân tích số liệu và kiểm định các giả thuyết). Việc lựa chọn phương pháp nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng, quyết định giá trị của các kết quả nghiên cứu của luận án. Thông thường, cơ sở lựa chọn của phương pháp nghiên cứu là các phân tích trong phần tổng quan về vấn đề nghiên cứu. Trong một

luận án có thể áp dụng nhiều phương pháp phân tích số liệu khác nhau để trả lời cho các câu hỏi khác nhau.

Mục tiêu thứ hai của phần này là trình bày kết quả phân tích số liệu (kết quả nghiên cứu) và thảo luận. Ngoài việc trình bày các kết quả tính toán và kết quả kiểm định thông qua bảng số liệu, biểu đồ và đồ thị, luận án cần phân tích và thảo luận các kết quả đó trong mối liên hệ mật thiết với phần phân tích trong phần tổng quan về vấn đề nghiên cứu. Việc đối chiếu và so sánh kết quả nghiên cứu của đề tài với kết quả nghiên cứu của các nghiên cứu trước đây, với cơ sở lý thuyết của vấn đề nghiên cứu là rất cần thiết. Qua đó, tác giả làm sáng tỏ luận điểm chính của đề tài phát hiện những hạn chế của vấn đề, nghiên cứu, cũng như làm cơ sở những điểm mới và những đóng góp mới của đề tài. Nếu kết quả không như kỳ vọng, trái với hiểu biết trước đây thì luận án cũng cần thảo luận và lý giải có minh chứng cho các kết quả như vậy. Nếu kết quả nghiên cứu có sự khác biệt so với các nghiên cứu trước đây thì luận án cũng cần có các thảo luận và minh chứng phù hợp. Lưu ý, không nên trình bày tất cả các bảng biểu kết xuất từ phần mềm thống kê mà cần trình bày một cách chọn lọc và chỉnh sửa hình thức bảng biểu cho phù hợp với một báo cáo khoa học.

3.9 Kết luận và kiến nghị

Mục tiêu của phần này tóm lược một cách tổng hợp các nội dung chính của các chương: mục tiêu nghiên cứu, câu hỏi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu đã áp dụng, kết quả nghiên cứu và các đóng góp mới của luận án. Trong đó, nêu rõ ràng và rành mạch kết quả nghiên cứu đạt được ứng với từng câu hỏi nghiên cứu và đồng thời sâu chuỗi các kết quả nghiên cứu để hỗ trợ cho luận điểm chính của luận án. Ngoài ra, các nội dung sau cùng được trình bày trên cơ sở đúc rút từ các kết quả nghiên cứu và quá trình thực hiện nghiên cứu: (i) các hàm ý, gợi ý, giải pháp, chính sách và các kiến nghị; (ii) các hạn chế của nghiên cứu - hạn chế về thời gian và chi phí, hạn chế về số liệu, hạn chế về phương pháp; nêu rõ các lý do (khách quan và chủ quan) của những hạn chế đó và nhận định mức độ ảnh hưởng của những hạn chế đó đến giá trị của luận án; (iii) khuyến nghị cho các nghiên cứu trong tương lai.

Lưu ý: Hướng dẫn kết cấu luận án nêu trên ở trên chỉ mang tính gợi ý. Các chương mục cụ thể của luận án tùy thuộc vào đề tài nghiên cứu cụ thể và tính phức tạp của đề tài nghiên cứu. Một nghiên cứu thực nghiệm thường được kết cấu thành 5 chương: giới

thiệu, tổng quan học thuật, phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và thảo luận, kết luận và kiến nghị.

3.10 Tài liệu tham khảo

Phần này liệt kê các tài liệu được trích dẫn trong luận án. Mỗi một tài liệu được trích dẫn trong bài viết đều phải được liệt kê trong danh mục tài liệu tham khảo với các thông tin chi tiết về tài liệu đó theo yêu cầu, không liệt kê các tài liệu không được trích dẫn.

Trích dẫn tài liệu tham khảo

Nội dung hướng dẫn việc trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo được trình bày trong tài liệu này là được biên soạn theo hệ thống trích dẫn Harvard. Theo hệ thống này, luận án cần ghi chú tại nơi thông tin được trích dẫn họ tác giả (tác giả nước ngoài) và năm xuất bản của tài liệu tham khảo. Sau đó, danh mục tài liệu tham khảo cần liệt kê và cung cấp đầy đủ chi tiết của tài liệu tham khảo đó. Trong trường hợp tác giả của thông tin trích dẫn là người Việt Nam, luận án cần ghi chú tại nơi thông tin trích dẫn họ và tên đầy đủ của tác giả và năm xuất bản của tài liệu tham khảo.

Hình thức trích dẫn

Việc trích dẫn tài liệu tham khảo giúp hỗ trợ và làm vững chắc mạch suy nghĩ hoặc luận điểm của tác giả. Vì vậy, việc trích dẫn tài liệu tham khảo đầy đủ, rõ ràng và chính xác giúp làm tăng tính khoa học và tính thuyết phục của luận án. Có hai cách trích dẫn, trích dẫn trực tiếp và trích dẫn gián tiếp.

- Trích dẫn trực tiếp (direct quotation) là cách trích dẫn trong đó người viết dẫn nguyên án trong ngoặc kép một phần câu, một câu án hay một đoạn án vào trong bài viết từ tác giả khác. Cách trích dẫn này thường được áp dụng trong các trường hợp sau: (i) đó là một câu án tương đối đặc biệt và mức độ ảnh hưởng của nội dung câu án hoặc độ chính xác của ngữ nghĩa sẽ giảm đi nếu như câu án đó được diễn tả lại theo ngôn từ của người viết; (ii) người viết muốn nhấn mạnh hoặc sử dụng “câu án” như vậy để hỗ trợ cho quan điểm của mình. Khi sử dụng cách trích dẫn trực tiếp, tác giả luận án cần cung cấp thêm thông tin về số trang tài liệu ở đó xuất hiện câu án hoặc đoạn án được trích dẫn trực tiếp. Việc trích dẫn một (hoặc một vài) số liệu cụ thể, hình ảnh, biểu đồ, quy trình... từ các tác giả khác cũng được xem là cách trích dẫn trực tiếp và luận án cần cung cấp thêm thông tin về số của trang tài liệu trong đó hàm chứa thông tin trích dẫn.

Dưới đây là một vài ví dụ về cách trích dẫn trực tiếp trong bài viết:

Nguyễn Án A (2010, trang 50) cho rằng “việc không dẫn nguồn thông tin đầy đủ là một thực trạng khá phổ biến trong các khóa luận của sinh viên Việt Nam”.

...“việc không dẫn nguồn thông tin đầy đủ là một thực trạng khá phổ biến trong các khóa luận của sinh viên Việt Nam” (Nguyễn Án A 2010, trang 50).

- Trích dẫn gián tiếp (paraphrasing) là việc người viết viết lại một cụm từ hay ý tưởng của tác giả khác bằng từ ngữ riêng của mình. Với cách trích dẫn này, người viết chỉ cần ghi chú thông tin về tên tác giả và năm xuất bản của tài liệu tại nơi trích dẫn mà không cần cung cấp số của trang tài liệu bao hàm cụm từ hay ý tưởng đó.

Bảng 2.1: Các ví dụ về trích dẫn và lập danh mục tài liệu tham khảo

| Loại tài liệu | Ví dụ trích dẫn trong bài viết | Ví dụ trình bày danh mục tài liệu tham khảo |
|---|--|--|
| Sách | | |
| Sách: một tác giả (tiếng Việt) | Nguyễn Thị Cành (1997) cho rằng ... hoặc (Nguyễn Thị Cành, 1997) | Nguyễn Thị Cành 1997, <i>Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học kinh tế</i> , NXB Đại học Quốc gia, TP. Hồ Chí Minh. |
| Sách: một tác giả (tiếng Anh) | (Holt 1997) hoặc Holt (1997) viết rằng ... | Holt, D. H. 1997, <i>Management principles and practices</i> , Prentice-Hall, Sydney. |
| Sách: hai tác giả trở lên (tiếng Việt) | (Đặng Phong và Đỗ Minh Đức 2009) | Đặng Phong và Đỗ Minh Đức 2009, <i>Những mũi đột phá trong kinh tế thời trước đổi mới</i> , NXB Khoa học và Xã hội, Hà Nội. |
| Sách: hai tác giả trở lên (tiếng Anh) | (McCarthy, William và Pascale 1997) | McCarthy, E.J., William. D. P. and Pascale, G.Q. 1997, <i>Basic marketing</i> , Irwin, Sydney. |
| Sách: không tác giả | (A history of Greece 1994) | <i>A history of Greece</i> 1994, Irwin, Sydney. |
| Sách: hiệu đính (tiếng Anh) | (Ed. Chew 1991) | Chew, D. (Ed.) 1991, <i>New development in commercial banking</i> , Basil Blackwell, Massachusetts. |
| Sách: tác giả là một tổ chức (tiếng Việt) | (Bộ Tài chính 2007) | Bộ Tài chính 2007, <i>Một số vấn đề về kinh tế - tài chính Việt Nam</i> , NXB Tài chính, Hà Nội. |
| Sách: tác giả là một tổ chức (tiếng Anh) | (Australian Bureau of Agricultural and Resource Economics 2001) | Australian Bureau of Agricultural and Resource Economics 2001, <i>Aquaculture development in Australia: a review of key economic issues</i> , ABARE, Canberra. |
| Sách: một chương sách | (Lê Huy Trọng 2004) | Lê Huy Trọng 2004, ‘Thực trạng về quản lý ngoại hối ở Việt Nam trong thời gian qua’ trong <i>Quản lý</i> |

| Loại tài liệu | Ví dụ trích dẫn trong bài viết | Ví dụ trình bày danh mục tài liệu tham khảo |
|---|--|--|
| hoặc một bài viết trong cuốn sách hiệu đính (tiếng Việt) | | <i>ngoại hối và điều hành tỷ giá hối đoái ở Việt Nam</i> , hiệu đính bởi Lê Quốc Lý, NXB Thống kê, Hà Nội. trang 152-185. |
| Sách: một chương sách hoặc một bài viết trong cuốn sách hiệu đính (tiếng Anh) | "A number of disturbing facts intrude" (Milkman 1998, P. 25) | Milkman, R. 1998, 'The new American workplace: high road or low road?' in <i>Workplaces of the future</i> , eds P. Thompson & C Warhurst, Macmillan Press, London, pp. 22-34. |
| Sách: tái bản (tiếng Việt) | (Phạm Thành Nghị 2013) | <i>Phạm Thành Nghị 2013, Tâm lý học giáo dục, tái bản lần 1, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia, Hà Nội.</i> |
| Sách: tái bản (tiếng Anh) | (Drafke 2009) | Drafke, M. 2009, <i>The human side of organizations</i> , 10 th edn, Pearson/Prentice Hall, Upper Saddle River, N. J. |
| Bài tạp chí | | |
| Bài tạp chí: ấn bản thường kỳ (tiếng Việt) | (Võ Hồng Đức và Nguyễn Đình Thiên 2013) | Võ Hồng Đức và Nguyễn Đình Thiên 2013, 'Đánh giá hiệu quả và tính ổn định của ngân hàng thương mại qua lăng kính phân tích tài chính', <i>Công Nghệ Ngân hàng</i> , số 90 (tháng 9/2013, trang 27-37) |
| Bài tạp chí: ấn bản thường kỳ (tiếng Anh) | (Gagnon and Ihrig 2004) | Gagnon, J. E. and Ihrig, J. 2004, 'Monetary policy and exchange rate passthrough'. <i>International Journal of Finance and economics</i> , vol. 9, no. 4. pp. 315-338 |
| Bài tạp chí: bài điện tử (tiếng Anh) | (Chang and Velasco 2000) | Chang, R. and Velasco, A. 2000, 'Exchange rate policy for developing countries'. <i>The American Economic Review</i> , vol. 90. no. 2, p. 71-5. Available from: Proquest [20 June 2010] |
| Tài liệu từ Internet | | |
| Webpage: Có tên tác giả và năm xuất bản (tiếng Việt) | (Song Linh 2008) | Song Linh 2008, <i>Dự đoán đồng Việt Nam phá giá tới 40 phần trăm là không có cơ sở</i> , truy cập tại < http://www.vnexpress.net/GL/Kinh-doanh/2008/06/3BA03103 > [ngày truy cập: 06/06/2008] |
| Webpage: Có tên tác giả và năm xuất bản (tiếng Anh) | (Janda 2014) | Janda. M. 2014, <i>Quiet tide of underemployed wait longer to get more work</i> , Available from < http://au.finance.yahoo.com/news/quiet-tide-underemployed-wait-longer-041028645.html >, [26 February 2014] |
| Webpage: Có tên tác giả, nhưng không có năm xuất | (Jones, n.d.) | Jones, M.D., n.d., <i>Commentary on indigenous housing initiatives</i> , Available from < http://www.architecturc.com.au > [10 May 2009]. |

| Loại tài liệu | Ví dụ trích dẫn trong bài viết | Ví dụ trình bày danh mục tài liệu tham khảo |
|--|--|---|
| bản (tiếng Anh) | | |
| Tài liệu từ Website (tiếng Việt) | (Tổng cục Thống kê 2014) | Tổng cục Thống kê 2014, <i>Thông báo tóm tắt một số kết quả sơ bộ cuộc điều tra tình hình sử dụng thông tin thống kê năm 2013</i> , truy cập tại < http://gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=13870 >, [truy cập ngày 14/02/2014] |
| Tài liệu từ Website (tiếng Anh) | (Australian Securities Exchange 2009) | Australian Securities Exchange 2009, Market information, Available from < https://www.asx.com.au/professionals/market_information/index.htm >, [10 June 2009]. |
| Blog (tiếng Việt) | (Lê Hồng Giang 2014) | Lê Hồng Giang 2014, 'Big Mac Index', 13/02/2013, <i>Le Giang: Blog</i> , truy cập tại < http://kinhtetaichinh.blogspot.com.au/2014/02/big-mac-index.html >. [14 February 2014] |
| Blog (tiếng Anh) | (Mankiw 2014) | Mankiw, G. 2014, 'If Obamacare reduced labor supply, will it raise wages?', 11 February 2014, <i>Greg Mankiw: Blog</i> , Available from < http://gregmankiw.blogspot.com/ >. [14 February 2014] |
| Thông tin doanh nghiệp | | |
| Báo cáo công ty | (Vietcombank 2006) | Vietcombank 2006, <i>Báo cáo thường niên 2005</i> , truy cập tại < http://www.vcb.com.vn > , [20 June 2007] |
| Số liệu tài chính | (Datastream 2009) | Datastream 2009, <i>S&P ASX200 daily index data 2000-2009</i> , Available from: Datastream, [20 May 2009] |
| Bài viết hội thảo | | |
| Bài viết đăng trên kỷ yếu hội thảo: in thành ấn bản (tiếng Việt) | (Nguyễn Kim Anh và Phạm Thị Hoàng Oanh 2007) | Nguyễn Kim Anh và Phạm Thị Hoàng Oanh 2007. 'Ứng dụng công cụ phái sinh tiền tệ trong phòng ngừa rủi ro tỷ giá tại các ngân hàng thương mại Việt Nam', <i>Kỷ yếu hội thảo khoa học: Các giải pháp phát triển các thị trường phái sinh ở Việt Nam</i> do Hội đồng Khoa học và Công nghệ Ngân hàng, Vụ Chiến lược Phát triển Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam biên tập, Hà Nội, trang 61 -75. |
| Bài viết đăng trên kỷ yếu hội thảo: in thành ấn bản (tiếng Anh) | (Riley 1992) | Riley, D. 1992, 'Industrial relations in Australian education', in Contemporary Australasian industrial relations: <i>Proceedings of the sixth AJRAANZ conference</i> , ed. D. Blackmur, AIRAANZ. Sydney, pp. 124-140. |
| Bài viết đăng trên kỷ yếu | (Fan, Gordon & Pathak 2000) | Fan, w., Gordon, M. D. and Pathak, R. 2000, ' <i>Personalization of search engine services for</i> |

| Loại tài liệu | Ví dụ trích dẫn trong bài viết | Ví dụ trình bày danh mục tài liệu tham khảo |
|---|---------------------------------------|---|
| hội thảo: điện tử | | <i>effective retrieval and knowledge management</i> , Proceedings of the twenty-first international conference on information systems, pp. 20-34. Available from: ACM Portal: ACM Digital Library, [24 June 2004]. |
| Bài đăng báo | | |
| Báo: báo in (tiếng Việt) | (Hạnh Nhung 2014) | Hạnh Nhung 2014, 'Ích tăng trưởng tín dụng đầu năm', <i>Sài Gòn Giải Phóng</i> ngày 7 tháng 3, p. 3. |
| Báo: báo in (tiếng Anh) | (Ionesco 2001) | Ionesco, J. 2001, 'Federal election: nw Chip in politics', <i>The advertiser</i> 23 October, p. 10. |
| Báo: Điện tử (tiếng Việt) | (Sông Trà 2014) | Sông Trà 2014, 'Năm 2014, tập trung kiểm soát chặt chẽ tốc độ tăng giá', <i>Nhân dân</i> ngày 17 tháng 2, truy cập tại < http://www.nhandan.com.vn > , [truy cập ngày 14/02/2014] |
| Báo: Điện tử (tiếng Anh) | (Liondis 2014) | Liondis, G., 2014, 'Australian banks among world's safest: S&P', <i>The Sydney Morning Herald</i> 17 February, Available from < http://www.smh.com.au > , [17 February 2014]. |
| Bài giảng | | |
| Bài giảng (tiếng Việt) | (Nguyễn Văn A 2014) | Nguyễn Văn A 2014, <i>Hệ thống tiền tệ quốc tế</i> , bài giảng môn Tài chính Quốc tế, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, ngày 20/02/2014. |
| Bài giảng (tiếng Anh) | (Foster 2004) | Foster. T. 2004, <i>Balance sheets</i> , lecture notes distributed in Financial Accounting 101 at the University of Western Australia. Crawley on 2 November 2005. |
| Luận án | | |
| Luận án: Không có xuất bản (tiếng Việt) | (Trần Thế Sao 2010) | Trần Thế Sao 2010, <i>Nghiên cứu các giải pháp tài chính - tiền tệ kiểm soát lạm phát trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam</i> , Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh. |
| Luận án: Không có xuất bản (tiếng Anh) | (Andrewartha 2001) | Andrewartha, R. 2001, <i>A comparative analysis of logging systems in Vanuatu Rainforests</i> , PhD thesis, School of Integrative Biology. The University of Queensland. |
| Luận án: Có xuất bản | (May 2007) | May, B. 2007, <i>A survey of radial velocities in the zodiacal dust cloud</i> , Bristol UK, Canopus Publishing. |

Danh mục tài liệu tham khảo được sắp xếp từ tiếng Việt đến tiếng Anh trong mỗi loại được sắp xếp theo thứ tự ABC và có đánh số thứ tự liên tục từ tiếng Việt đến tiếng Anh.

3.11 Danh mục công trình khoa học liên quan đã công bố

Phần này liệt kê những bài viết có liên quan đến mục tiêu nghiên cứu của đề tài đã được đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước hoặc các công trình nghiên cứu khoa học các cấp đã được nghiệm thu. Các công trình nghiên cứu liệt kê trong mục này được sắp xếp theo thứ tự tạp chí công bố, thời gian công bố. Nếu công trình là sản phẩm nghiên cứu của nhiều người cần ước lượng mức đóng góp của tác giả luận án. Danh mục này cần phải phù hợp với nội dung kê khai trong lý lịch khoa học của nghiên cứu sinh.

BẢNG TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ

| TT | Tên bài báo | Số tác giả/ Mức độ, Vai trò tham gia | Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học | Tạp chí Quốc tế uy tín (và IF) | Số trích dẫn của bài báo | Tập/số | Trang | Tháng/ Năm công bố |
|---------------------------------------|------------------|--------------------------------------|----------------------------------|--------------------------------|--------------------------|--------|-------|--------------------|
| Trước khi khi nghiên cứu sinh | | | | | | | | |
| 1 | Tên công trình 1 | 1 | Tạp chí Ngân hàng | | ISSN-0866-7462 | 22 | 1 | 8/2019 |
| 2 | Tên công trình 2 | 1 | Thị trường tài chính tiền tệ | | ISSN 1859-2805 | 19 | 115 | 11/2019 |
| | Tên công trình n | 3 | | Spinger | ISBN 978-3-319-73149-0 | | 381 | 5/2020 |
| Từ khi bắt đầu Nghiên cứu sinh | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

3.12 Phụ lục

Phần này bao gồm những nội dung nhằm bổ trợ hoặc cung cấp chi tiết hơn cho các nội dung trong luận án như: số liệu, cách tính toán và cách đo lường các biến, hình ảnh, quy trình, phần trình bày sâu hơn một lý thuyết mà nội dung của nó được nhắc đến trong luận án, các kết xuất của phần mềm thống kê (đã được chỉnh sửa để phù hợp với một

báo cáo khoa học)... Hoặc các tình hình, số liệu chi tiết để minh chứng cụ thể hơn. Trong trường hợp luận án sử dụng số liệu sơ cấp từ một cuộc điều tra khảo sát thông qua bảng câu hỏi thì luận án cũng cần trình bày trong phần phụ lục nguyên án bảng câu hỏi mà tác giả đã sử dụng.